

Bản án số: 54/2024/HC-ST

Ngày: 16/8/2024

V/v “*Khởi kiện hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Chùm và ông Huỳnh Công Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 30/2024/TLST-HC ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 744/2024/QĐST-HC ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T:

- Ông Nguyễn Xuân Đ – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Xuân Đ1 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; Có mặt.

- Bà Huỳnh Thị P – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Kiều P1, sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn H, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông Võ Đức H1, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông Võ Đức H2, sinh năm 2002; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bà Võ Thị Bích H3, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên; Biên bản làm việc ngày 29/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Nguyên thừa đất số 964, tờ bản đồ số 1, diện tích 5.887m² tại xứ đồng Dòng Đ thuộc thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có giới cận: (i) phía đông giáp thửa đất của ông Phạm Ngọc Đ2 và ông Trịnh Văn H4, (ii) phía tây giáp đường bê tông, (iii) phía nam giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị R, (iv) phía bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Ngọc T1 - do cha mẹ ông Võ Đức H5 (chồng bà Nguyễn Thị N) khai hoang và tặng cho vợ chồng ông Võ Đức H5, bà Nguyễn Thị N từ năm 1985. Việc tặng cho này do các bên thống nhất bằng miệng, không được lập thành văn bản. Sau đó, vợ chồng ông Võ Đức H5, bà Nguyễn Thị N cùng canh tác, trồng bầu, bí hoặc các loại cây theo mùa. Sau khi ông Võ Đức H5 mất (năm 2022), bà Nguyễn Thị N tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định đến thời điểm hiện nay.

Ngày 06/11/2009, Ủy ban nhân dân xã A lập Phương án việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất núi chưa sử dụng cho hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã A, thành phố T. Quá trình triển khai thực hiện tổ tư vấn đo đạc thực hiện dự án thống kê, tổng hợp số liệu kê khai đưa ra hội đồng họp xét, niêm yết và trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê g 04 (bốn) thửa đất được cập nhật vào Sổ Địa chính trang số 51, quyền số 01, được Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh P ký duyệt ngày 18/11/2013. Trong đó có thửa đất 964, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Như vậy, 01 (một) trong 04 (bốn) thửa đất ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L đang thực tế quản lý, sử dụng đã được cấp nhầm số thửa đất và số tờ bản đồ sang thửa đất 964, tờ bản đồ số 01 mà ông Võ Đức H5, bà Nguyễn Thị N đang quản lý sử dụng.

Tuy nhiên, vợ chồng ông Võ Đức H5, bà Nguyễn Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Đặng Thị Lê hoàn toàn không biết việc cấp nhầm này. Đến khi vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Đặng Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất thực tế ông bà đang quản lý, sử dụng cho vợ chồng ông V1, bà H6 (không rõ họ tên) và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V1, bà H6 để thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu quyền sử dụng đất nhưng ông V1, bà H6 không thể thực hiện được thủ tục đăng ký này (vì thửa đất nhận chuyển nhượng trên thực tế không đúng với thửa đất được ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 cho ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L), vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Đặng Thị L và bà Nguyễn Thị N mới biết thửa đất 964, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên mà gia đình bà Nguyễn Thị N đang thực tế, quản lý sử dụng bị cấp nhầm cho gia đình ông Nguyễn Ngọc T1, bà Đặng Thị Lê. Sau đó, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê m.

Thời điểm vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Đặng Thị L còn sống, giữa vợ chồng ông Võ Đức H5, bà Nguyễn Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T1, bà Đặng Thị L không phát sinh tranh chấp đất đai. Thực tế, ông T1, bà L canh tác tại thửa đất khác, không phải là thửa đất 964, tờ bản đồ số 01, tọa lạc thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên mà gia đình bà Nguyễn Thị N đang khởi kiện.

Do đó, bà Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thành phố T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đúng với hiện trạng của thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 theo quy định pháp luật.

**** Theo Công văn số 127/UBND ngày 03/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T trình bày:***

Ngày 06/11/2009, UBND xã A lập Phương án việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận QSD núi chưa sử dụng cho hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã A thành phố T. Quá trình triển khai thực hiện tổ tư vấn đo đạc thực hiện dự

án thống kê, tổng hợp số liệu kê khai đưa ra hội đồng hợp xét, niêm yết và trình cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê g 04 thửa đất được cập nhật vào Sổ Địa chính trang số 51, quyển số 01, được Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P ký duyệt ngày 18/11/2013 trong đó có thửa đất 964, tờ bản đồ số 01 (Danh sách kèm theo). Do đó hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1 cho hộ ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L đề nghị Tòa liên hệ Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố T đề được cung cấp.

- Đối chiếu đo đạc xác định thành thửa đất mà chỉ thể hiện trên hồ sơ Địa chính tại thửa đất 964, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ H00029 so với số liệu đo đạc bản đồ năm 1992, 1997 thì trên bản đồ không bản đồ là “Núi” (Hồ sơ kèm theo).

- Đối với thửa đất 964, tờ bản đồ số 1, diện tích 5887m² đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Ngọc T1 nhưng hiện trạng hộ gia đình bà Nguyễn Thị N đang trực tiếp quản lý sử dụng. Do đó có sự sai sót của đơn vị tư vấn đo đạc trong việc xác định chủ sử dụng đất ngoài thực địa dẫn đến công tác biên tập hồ sơ địa chính và hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất bằng ảnh hàng không cho thửa đất 964, tờ bản đồ số 1 bị sai tên chủ sử dụng đất. UBND xã A đề nghị Tòa Án nhân dân tỉnh Phú Yên căn cứ hiện trạng và quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N xét xử theo quy định.

*** Theo Biên bản làm việc ngày 20/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều P1, bà Nguyễn Thị Kiều V, bà Nguyễn Thị T cùng thống nhất trình bày:**

Cha chúng tôi là ông Nguyễn Ngọc T1 (1942), mẹ là là Đặng Thị L (1942) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại thôn C, xã A, T, Phú Yên.

Cha mẹ tôi khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã cất đi, đến sau này mới biết được cấp nhầm thửa đất của bà Nguyễn Thị N (1960), thôn C, A, T, Phú Yên.

Các chị em trong gia đình đều biết được việc cấp nhầm thửa đất của bà N. Chúng tôi sinh sống, làm việc tại thôn C từ nhỏ và biết bà N và ông Võ Đức H5 (chồng bà N) canh tác trên mảnh đất này đã mấy chục năm.

Chúng tôi không có bất kỳ tranh chấp nào đối với thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 ngày 10/12/2009 do UBND thành phố T cấp cho ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê .

Ngày nay, chúng tôi biết bà N khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận nêu trên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đối với thửa

964, tờ bản đồ số 1. Chúng tôi không có ý kiến phản đối và yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

**** Theo Biên bản làm việc ngày 15/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày:***

Cha mẹ tôi là ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1942 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1942, sống tại thôn C, xã A, T, Phú Yên. Trước đây, cha mẹ tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thôn C, xã A, T, Phú Yên, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00029. Khi cha mẹ mất, chị em chúng tôi (gồm tôi, bà T, bà V, bà P1) biết được gia đình được cấp nhầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bà N.

Tôi cũng như các chị em không có bất kỳ tranh chấp nào đối với thửa đất số 694, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thôn C, xã A, T, Phú Yên, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00029. Vì thửa đất đó thực tế từ trước đến nay do bà N và chồng bà N (ông Võ Đức H5) canh tác, sử dụng.

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N theo đúng quy định pháp luật.

**** Theo Biên bản làm việc ngày 20/7/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Đức H5 – ông Võ Đức H2, ông Võ Đức H1 và bà Võ Thị Bích H3 cùng thống nhất trình bày:***

Chúng tôi là con của ông Võ Đức H5 và bà Nguyễn Thị N – người khởi kiện trong vụ án hành chính được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý sơ thẩm số: 30/2024/TLST-HC ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa người khởi kiện: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên và người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Chúng tôi biết việc thửa đất số 964, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên mà cha mẹ chúng tôi (ông Võ Đức H7, bà Nguyễn Thị N) canh tác, quản lý, sử dụng lâu dài - từ khi chúng tôi còn chưa sinh ra đến nay, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê l khi công chức Ủy ban nhân dân xã A kiểm tra, đo vẽ thực tế (hay thực hiện công tác chuyên môn của Ủy ban nhân dân nên chúng tôi không rõ). Khi đó, Ủy ban nhân dân xã A phát hiện thửa đất cha mẹ tôi đang thực tế sử dụng (thửa đất số 964, tờ bản đồ số 01) trên tờ bản đồ lưu tại Ủy ban nhân dân xã A ghi nhận ông Võ Đức H5 là người quản lý sử dụng nhưng lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê .

Chúng tôi được biết khi còn sống ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L không có tranh chấp gì với cha mẹ chúng tôi. Thậm chí, hiện nay, khi ông Nguyễn

Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê m, các con của ông bà cũng không tranh chấp gì với gia đình chúng tôi.

Chúng tôi chấp nhận để mẹ chúng tôi – bà Nguyễn Thị N được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 964, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (tức từ bỏ quyền thừa kế của mình đối với di sản của ông Võ Đức H5 – cha chúng tôi (mất năm 2022)). Đồng thời, kính mong Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N – mẹ chúng tôi theo đúng quy định pháp luật để mẹ chúng tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà gia đình thực tế quản lý, sử dụng từ trước đến nay (thửa đất số 964, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên).

** Ngày 31/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành Công văn số 427/2024/QĐ-CCCC yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N nhưng không nhận được phản hồi trong thời gian quy định. Ngày 25/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiếp tục ban hành Công văn số 520/2024/TB-THC để yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố T vẫn không có văn bản phản hồi gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.*

** Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, bà Nguyễn Thị Xuân Đ1 trình bày:*

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật; Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Kiều P1, bà Nguyễn Thị Kiều V, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn H, ông Võ Đức H1, ông Võ Đức H2 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T: ông Nguyễn Xuân Đ và bà Huỳnh Thị P vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P triệu tập họp lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N gửi Đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2024 và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024 đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên: (i) Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L; (ii) Buộc Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thành phố T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N theo hiện trạng của thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009.

Ngày 29/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về thẩm quyền, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L là đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

[3.2] Về nội dung, tính có căn cứ của quyết định hành chính bị khởi kiện: Nguyên thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê. Ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê m. Hiện nay, các con của ông Nguyễn Ngọc T2, bà Đặng Thị Lê g bà Nguyễn Thị Kiều P1, bà Nguyễn Thị Kiều V, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn H chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế để cập nhật chủ sở hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tuy nhiên, qua kiểm tra hiện trạng thực tế sử dụng đất cũng như xem xét

các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hiện trạng thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên do hộ gia đình bà Nguyễn Thị N đang trực tiếp quản lý sử dụng. Do có sự sai sót của đơn vị tư vấn đo đạc trong việc xác định chủ sử dụng đất ngoài thực địa dẫn đến công tác biên tập hồ sơ địa chính và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng ảnh hàng không cho thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1 bị sai tên chủ sử dụng đất. Điều này dẫn đến khi Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không đúng đối tượng sử dụng đất.

[3.3] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện không phát sinh bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên với bà Nguyễn Thị Kiều P1, bà Nguyễn Thị Kiều V, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn H cũng như ông Võ Đức H2, ông Võ Đức H1 và bà Võ Thị Bích H3.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nghĩa H có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: (i) Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị L; (ii) Buộc Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thành phố T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đúng hiện trạng của thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 và Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009 ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Đặng Thị Lê .

- Buộc Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thành phố T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đúng hiện trạng của thửa đất số 964, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00029 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 10/12/2009) theo quy định pháp luật.

Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu số tiền 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng số tiền 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*), nên Ủy ban nhân dân thành phố T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*),

Thời hạn, trình tự thủ tục thi hành và xử lý trách nhiệm với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng KTNV TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, THC, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh